TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-PT
Ngày: 29-6-2022
V/v: Tranh chấp chia thừa kế; Đòi lại tài sản là tiền thuê đất; Yêu cầu tính công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu

***Các Thẩm phán*:** Bà Ngô Thị Trang

Ông Hàng Lâm Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc *"Tranh chấp chia thừa kế; Đòi lại tài sản là tiền thuê đất; Yêu cầu tính công sức bảo quản, tôn tạo, gìn giữ tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 29 ngày 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Số Z đường T, khu phố N, phường L, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà NLQ2, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm: 1954;

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông NĐD, sinh năm: 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện M, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà NLQ1, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện M, tỉnh Ninh Thuận.

3.2. Bà NLQ2, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Tổ M, khu phố B, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Anh NLQ3, sinh năm: 1985;

3.4. Chị NLQ4, sinh năm: 1983;

3.5. Chị NLQ5, sinh năm: 1988;

3.6. Bà NLQ6, sinh năm: 1966;

Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn U, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.7. Anh NLQ7, sinh năm: 1992;

3.8. Anh NLQ8, sinh năm: 1993;

3.9. Chị NLQ9, sinh năm: 1996;

3.10. Anh NLQ10, sinh năm: 1997;

3.11. Bà NLQ11, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của anh NLQ3, chị NLQ5, anh NLQ7, anh NLQ8, anh NLQ10, chị NLQ9, bà NLQ11, bà NLQ6: Bà NLQ2, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Tổ M, khu phố B, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2, bà NLQ6.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 đồng thời là đại diện hợp pháp của các ông/bà anh NLQ3, bà NLQ6, anh NLQ7, anh NLQ8, chị NLQ9, anh NLQ10, bà NLQ11 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H và đại diện hợp pháp của ông H là bà NLQ2 trình bày:

Cha mẹ ông tên X và Y, cha mẹ ông sinh được 05 người con chung gồm: Nguyễn Tấn V, bà NLQ2, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Quốc K và Nguyễn Tấn H1. Cha ông chết năm 2000, các em ông là Nguyễn Quốc K chết năm 2002, Nguyễn Tấn H1 chết năm 2008 và mẹ ông chết năm 2010. Cha mẹ và các em chết đều không để lại di chúc. Khi còn sống, cha mẹ ông có tạo lập được thửa đất số 26, tờ bản đồ 27c xã C, diện tích 1.003m^2.

Năm 2001, 04 anh em trai ông là V, H, K, H1 cùng góp tiền xây trại nuôi tôm giống trên thửa đất 26. Quá trình làm ăn, do xảy ra mâu thuẫn nên 04 anh em ông thỏa thuận thống nhất giao lại toàn bộ hệ thống trại nuôi tôm giống cho vợ chồng ông V, bà NLQ1 sử dụng và vợ chồng ông V, bà NLQ1 phải hoàn trả phần vốn góp cho các đồng sở hữu là K, H1, H. Riêng diện tích đất thuộc thửa 26 gắn liền với trại nuôi tôm thì mẹ ông cho vợ chồng ông V, bà NLQ1 thuê với giá 8.000.000đ/năm. Trong quá trình thuê đất khi mẹ ông còn sống, vợ chồng ông V, bà NLQ1 còn nợ tiền thuê của mẹ ông là 25.000.000đ, từ khi mẹ ông chết (năm 2010) đến năm 2017, vợ chồng ông V, bà NLQ1 cũng chưa trả tiền thuê đất của mẹ ông cho những người thừa kế. Năm 2017, do vợ con của Nguyễn Tấn H1 rơi vào hoàn cảnh khó khăn nên anh em thống nhất đập nhà vệ sinh, phòng làm việc trong hệ thống trại nuôi tôm của vợ chồng ông V, bà NLQ1 để chia cho vợ con ông H1 60m^2 xây dựng nhà ở, phần đất còn lại có trại nuôi tôm thì hiện nay bà NLQ1 và ông V đang là người trực tiếp quản lý, phần đất trống còn lại của thửa 26 thì hiện nay không ai quản lý.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể sau:

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông X và bà Y là diện tích thửa đất số 26, tờ bản đồ số 27c xã C huyện M cho các đồng thừa kế và ông yêu cầu được nhận hiện vật là đất.

Yêu cầu ông V, bà NLQ1 trả lại số tiền thuê đất còn nợ là 81.000.000đ.

Đối với yêu cầu tính công sức bảo quản giữ gìn tôn tạo tài sản trong đó có phần đổ đất nâng nền của ông V, bà NLQ1 thì ông không đồng ý vì phần tôn tạo (đổ đất) này đã được tính vào giá trị khi góp vốn làm trại tôm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H và bà NLQ2 là đại diện hợp pháp của ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu ông V, bà NLQ1 trả số tiền thuê đất còn nợ là 81.000.00đ thành yêu cầu ông V, bà NLQ1 trả số tiền thuê còn nợ là 40.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H trình bày:

Ông giữ nguyên nội dung trình bày về phần nhân thân cha mẹ, anh chị em ruột và giữ nguyên lời khai về phần tài sản và các phần kháng cáo khác, tuy nhiên ông xin rút những yêu cầu sau:

Ông xin rút yêu cầu kháng cáo về số tiền thuê đất ông V, bà NLQ1 còn nợ.

Ông xin rút yêu cầu kháng cáo đối với việc đề nghị áp giá trị di sản theo giá thị trường và đồng ý với giá mà Hội đồng định giá đã định theo biên bản định giá ngày 18/5/2022.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tấn V trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của ông H về quan hệ nhân thân, về cha mẹ, anh chị em, về năm sinh cũng như năm chết, về di sản của cha mẹ ông để lại là thửa đất số 26, tờ bản đồ 27c xã C là đúng sự thật. Ông xác định cha mẹ và 02 em ông chết đều không để lại di chúc; ông đồng ý chia đều di sản cho các đồng thừa kế và đồng ý chia bằng hiện vật, tuy nhiên đối với phần đất xây dựng trại tôm ông yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất có trại tôm và đồng ý hoàn trả giá trị chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế khác.

Đối với số tiền 81.000.000đ các đồng thừa kế cho rằng đó là số tiền thuê đất mà ông còn nợ mẹ ông thì ông không đồng ý, vì ông không thuê đất của cha mẹ ông. Ông thừa nhận hàng năm ông có đưa cho mẹ ông một khoản tiền nhưng đây là tiền gửi mẹ phụng dưỡng, chứ không phải tiền thuê đất như ông H trình bày.

Về giá đất, ông thống nhất theo giá mà Hội đồng định giá đã đưa ra tại biên bản ngày 20/5/2021, ông không yêu cầu áp dụng giá thị trường.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn V có đơn phản tố đề ngày 23/5/2021, yêu cầu Tòa án tính công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn tài sản, trong đó có tiền đổ đất nâng nền thửa 26; tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2021 ông V xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông NĐD - đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Tấn V trình bày: Ông giữ nguyên các lời khai của ông Nguyễn Tấn V tại phiên tòa sơ thẩm và không bổ sung gì thêm.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông có khai về việc ông V, bà NLQ1 đã bỏ tiền ra tu sửa trại nuôi tôm (gồm sửa nhà sản xuất tôm và hồ nuôi), tuy nhiên ông không có yêu cầu gì đối với số tiền bỏ ra tu sửa này. Ông xác định ông không yêu cầu tính công sức bảo quản, giữ gìn tôn tạo tài sản trong đó có tiền đổ đất nâng nền trong vụ kiện chia thừa kế này.

Trước yêu cầu kháng cáo của ông H, bà NLQ2, bà NLQ6, ông có ý kiến như sau:

Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết. Ông đồng ý chia thừa kế theo pháp luật và đồng ý với việc chia thừa kế cho các đồng thừa kế bằng hiện vật là đất, tuy nhiên ông yêu cầu được nhận hiện vật là phần đất có toàn bộ trại nuôi tôm và đồng ý bù chênh lệch cho các đồng thừa kế, ông đồng ý với yêu cầu rút một phần kháng cáo của ông H, bà NLQ2 về việc áp giá trị đất theo giá thị trường và không yêu cầu giải quyết về số nợ tiền thuê đất.

Về giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Ông đã được Tòa án tỉnh Ninh Thuận thông báo về giá đất và tài sản trên đất của thửa 26 theo biên bản định giá ngày 18/5/2022, ông đồng ý và không có ý kiến gì. Đối với hệ thống đường ống dẫn nước biển vào trại nuôi tôm, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đường ống này không nằm trên thửa 26. Hiện nay, ông V, bà NLQ1 chỉ quản lý phần đất có hệ thống trại nuôi tôm.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/11/2021 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 trình bày:

Bà là vợ của ông V, bà đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông V và không bổ sung gì thêm. Riêng đối với phần trại nuôi tôm đang tồn tại trên đất

là tài sản chung của vợ chồng bà, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng và hoàn trả giá trị đất cho các đồng thừa kế để thu hồi vốn vì từ lúc xảy ra tranh chấp đến nay vợ chồng bà không sản xuất được nên đã bỏ trống. Riêng về các tài sản vợ chồng bà đập ra để lấy đất cho vợ con ông H1 xây nhà gồm: 01 phòng máy, 01 nhà vệ sinh và 01 căn bếp mà bà đã trình bày tại buổi hòa giải thì bà không yêu cầu Tòa giải quyết hoàn trả giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà NLQ1 vẫn giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm và bổ sung thêm: Hiện nay, bà và ông V đã già, không còn khả năng lao động nên đề nghị được nhận toàn bộ phần đất có trại sản xuất tôm để ông bà cho thuê lấy tiền sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay, vợ chồng bà đã có nhà riêng.

Bà đã được Tòa án thông báo về giá trị tài sản theo biên bản định giá ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, bà đồng ý với giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã định. Đối với chi phí sửa chữa trại nuôi tôm, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hệ thống đường ống dẫn nước biển vào trại nuôi tôm vì đường ống này không nằm trên thửa 26.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 trình bày:

Bà thống nhất với lời khai và yêu cầu của nguyên đơn. Bà yêu cầu chia đều di sản cho các đồng thừa kế bằng hiện vật. Bà có yêu cầu được nhận thừa kế là đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác do bà NLQ2 đại diện đều thống nhất theo trình bày và yêu cầu của nguyên đơn và có yêu cầu nhận hiện vật là đất, ngoài ra không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị NLQ4 và chị NLQ5 trình bày: Các bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H và không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện M quyết định:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, Điều 217, 218, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 480, 636, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 623, 660 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế diện tích đất 1.018m^2 thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ địa chính số 27c xã C (có trích lục đính kèm), cụ thể:

- Chia ông Nguyễn Tấn V diện tích đất 391m^2 tương ứng các điểm (8,32,31,19,20,22,23,24,11), trị giá: 20.527.500đ và 64m^2 phía trước trại tâm tương ứng các điểm (7,8,11,16,17), trị giá: 3.360.000đ; tổng cộng ông V nhận hiện vật trị giá 23.887.500đ, có hệ thống trại tôm của vợ chồng ông V, bà NLQ1 gắn liền trên đất, gồm:

+ Trại tôm, nhà cấp 4c, 01 tầng, xây dựng khoảng năm 2010, có kết cấu: Móng xây đá chẻ, tường xây gạch tô sơn, nền láng xi măng, bên trong có các hồ nước, mái tole proximăng, xả gỗ gỗ, cửa tole, diện tích: 7m x 34,2m = 239,4m^2

+ Cụm hồ chứa nước, kết cấu: Hồ nước xây gạch tỏ, mỏng đá chẻ, thể tích: 17 x 3,7 x 2,3m = 144,67m^3.

+ 01 mái che tole lạnh (phía trước trại tôm), có kết cấu: Mái tole lạnh, trụ và khung kèo sắt, nền láng xi măng; diện tích: 6,0 x 7,1m = 42,6m^2.

- Chia bà NLQ11, anh NLQ7, anh NLQ8, chị NLQ9, anh NLQ10 nhận thừa kế kỷ phần của ông H1 diện tích đất trống 35m^2 tương ứng các điểm (14,15,22,23,24,11,16), trị giá: 1.837.500đ, diện tích đất trống 2m^2 tương ứng các điểm (12,13,14,16), trị giá 2m^2 x 52.500/m^2 = 105.000đ, diện tích đất có phần tường bê tông trại tôm của ông V, bà NLQ1 12m^2 tương ứng các điểm (6,12,16,17), trị giá: 735.000đ và diện tích đất 13m^2 tương ứng các điểm (4,5,6,12,13,14,15,28,29), trị giá: 6.037.500đ, có nhà và công trình phụ của bà NLQ11 gắn liền, gồm:

+ Nhà ở cấp 04B, 01 tầng, xây dựng năm 2017, có kết cấu: Mỏng xây đá chẻ, tưởng xây gạch tô sơn, nền lát gạch men, mái tole pro xi măng, kéo sắt kính, diện tích: (10,1 x 4,5)+ (5,3 x 2,85)m = 60,56m^2.

+ 01 Mái che tole kẽm (phía trước nhà), có kết cấu: Mái tole kẽm, trụ bê tông, kèo gỗ, nền láng xi măng, điện tích: 4,5 x 2,85m = 12,83m^2.

+ Nhà vệ sinh cấp 04C (phía sau nhà ở), 01 tầng, có kết cấu: Móng xây đã chẻ, tường xây gạch quét vôi, nền láng xi măng, mái tole kẽm, cửa tole; diện tích: (2,0 x 2,0)m = 4m².

+ 01 Mái che tole kẽm (phía sau nhà), có kết cấu: Mái tole kẽm, trụ gỗ, kéo gỗ, nền láng xi măng; diện tích: 4,5 x 2,0m = 9,0m^2.

Tổng giá trị hiện vật được chia là 8.505.000đ.

Ông V, bà NLQ1 tự nguyện tháo dỡ phần tường và vật kiến trúc nằm trên 12m^2 đất và không yêu cầu hoàn trả giá trị tài sản.

- Chia ông Nguyễn Tấn H diện tích đất 120m^2 tương ứng các điểm (19,26,25,30,31), trị giá: 6,300.000đ.

- Chia bà NLQ2 diện tích đất 122m^2 tương ứng các điểm (19,20,27,26), trị giá: 6.405.000đ.

- Chia bà NLQ6, anh NLQ3, chị NLQ5, chị NLQ4 nhận kỷ phần thừa kế của ông K diện tích đất 159m^2 tương ứng các điểm (20,27,28,15,22), trị giá 8.347.500đ. Ông V, bà NLQ1 có nghĩa vụ giao lại diện tích đất đã chia trên cho ông H, bà NLQ2, anh NLQ7, anh NLQ8, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ3, chị NLQ5, chị NLQ4; ông V có nghĩa vụ bù chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế, cụ thể:

- Bù chênh lệch giá trị tài sản cho ông Nguyễn Tấn H số tiền 4.389.000đ.

- Bù chênh lệch giá trị tài sản cho bà NLQ2 số tiền 4.284.000d.

- Bù chênh lệch giá trị tài sản cho bà NLQ11, anh NLQ7, anh NLQ8, chị NLQ9, anh NLQ10 số tiền 2.184.000đ.

- Bù chênh lệch giá trị tài sản cho bà NLQ6, anh NLQ3, chị NLQ5, chị NLQ4 số tiền 2.341.500đ.

Các đương sự tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng theo quy định của Luật đất đai.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi và chia thừa kế số tiền thuê đất 40.000.000đ.

Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn V.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm trả khi thi hành án, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/01/2022, ông Nguyễn Tấn H, bà NLQ2 và bà NLQ6 cùng có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện M. Nội dung kháng cáo cụ thể như sau:

Ông H và bà NLQ2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

- Giải quyết theo nội dung yêu cầu của đơn khởi kiện ngày 06/5/2020;

- Định giá trị đất theo giá thị trường hiện nay;

- Chia đều di sản thừa kế là diện tích đất 1.018m^2 thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 27c xã Cà Ná, huyện M, tỉnh Ninh Thuận bằng hiện vật, không đồng ý nhận bù chênh lệch giá trị tài sản bằng tiền theo giá Nhà nước.

- Thẩm định lại giá trị vật kiến trúc là hệ thống trại tâm giống của ông Nguyễn Tấn V để có cơ sở khấu trừ khi chia hiện vật (đất);

- Yêu cầu ông Nguyễn Tấn V hoàn trả 40.000.000đ tiền thuê đất làm trại tôm.

Bà NLQ6 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo nội dung yêu cầu của đơn khởi kiện ngày 06/5/2020 của ông Nguyễn Tấn H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các nội dung kháng cáo về việc kiện đòi lại tiền thuê đất, yêu cầu áp dụng giá thị trường đối với di sản thừa kế là diện tích thửa đất số 26 của các ông/bà Nguyễn Tấn H, bà NLQ2, bà NLQ6, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các ông/bà H, NLQ2, NLQ6 về việc chia đều hiện vật là đất cho các đồng thừa kế, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 rút một phần nội dung kháng cáo, cụ thể: Rút yêu cầu kháng cáo về việc đòi lại tài sản là tiền thuê đất và rút yêu cầu áp giá đất theo giá thị trường. Xét thấy, việc rút kháng cáo của ông H, bà NLQ2 là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ các điều 295 và 298 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu nói trên của ông H, bà NLQ2.

Đối với các yêu cầu kháng cáo khác, các đương sự vẫn giữ nguyên. Xét thấy, do các kháng cáo này còn trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà NLQ1, NLQ5 và NLQ4 có mặt, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 đồng thời là đại diện hợp pháp của những người thừa kế của ông Nguyễn Tấn H1 và ông Nguyễn Quốc K vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết *"Tranh chấp chia thừa kế; Đòi lại tài sản là tiền thuê đất; Yêu cầu tính công sức bảo quản, tôn tạo, gìn giữ tài sản"* là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các ông/bà Nguyễn Tấn H, NLQ2 có nội dung: Yêu cầu chia đều di sản thừa kế là thửa số 26, tờ bản đồ số 27c xã C, huyện M bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, không đồng ý nhận bù chênh lệch giá trị tài sản theo giá Nhà nước, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất những nội dung sau:

Về hàng thừa kế và di sản thừa kế là thửa đất số 26, tờ bản đồ 27c xã C do cụ X và cụ Y chết để lại.

Các đương sự đều thống nhất chia di sản của cụ X và cụ Y bằng hiện vật cho tất cả các đồng thừa kế.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và chia hiện vật là đất cho tất cả các đồng thừa kế là đúng theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm phân chia di sản thừa kế là thửa 26 cho các đồng thừa kế của cụ Công và cụ Tòng gồm các ông/bà Nguyễn Tấn V, Nguyễn Tấn H, NLQ2, Nguyễn Tấn H1, Nguyễn Quốc K với diện tích đất lần lượt là 391m^2, 120m^2, 122m^2, 162m^2 và 159m^2 là chưa đảm bảo quyền lợi của các đồng thừa kế. Bởi lẽ:

Theo kết quả đo đạc, định giá ngày 18/5/2022 của cấp phúc thẩm thì hiện nay trại nuôi tôm của ông V bỏ hoang và đã hết giá trị sử dụng; đại diện Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận cũng xác định kết cấu móng trụ của toàn bộ hệ thống trại nuôi tôm nói trên là riêng biệt và có thể tách rời.

Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận từ năm 2017 đến nay, trại nuôi tôm này bỏ hoang, không sử dụng; bản thân ông V, bà NLQ1 cũng khai nhận ông bà hiện đã già không còn khả năng lao động, ông bà yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất có trại nuôi tôm để cho thuê.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn không đưa ra được giá thị trường đối với di sản là giá trị thửa đất số 26, ông H, bà NLQ2 và các đồng thừa kế do bà NLQ2 đại diện đều không yêu cầu đền bù tiền chênh lệch đất giữa các bên.

Như vậy, xét về nhu cầu về đất sản xuất của ông V, bà NLQ1 là không cấp thiết và diện tích đất cũng như tài sản trên đất có thể phân chia, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm phân chia lại di sản là diện tích thửa 26 cho các đồng thừa kế để các đồng thừa kế được nhận hiện vật tương đối bằng nhau, hạn chế thấp nhất việc chênh lệch diện tích đất được nhận nhằm bảo đảm quyền lợi của các đồng thừa kế. Do đó, yêu cầu kháng cáo của các ông/bà H, NLQ2 là có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà NLQ1, NĐD là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp của ông V có yêu cầu được nhận hiện vật là toàn bộ phần đất có trại nuôi tôm vì cho rằng hiện nay bà NLQ1, ông V đã già, không lao động được nên cần nhận toàn bộ phần đất có nhà sản xuất tôm giống để cho thuê lấy tiền sinh sống – Yêu cầu này của bà NLQ1, ông V không được chấp nhận bởi những lập luận nêu trên.

[3.2] Phân chia di sản thừa kế như sau:

Do các đương sự đều thống nhất lời khai về di sản thừa kế do cụ Y, cụ X chết để lại và về hàng thừa kế nên Hội đồng xét xử xác định những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Y, cụ X gồm: Nguyễn Tấn V, bà NLQ2, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Quốc K và Nguyễn Tấn H1.

Các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, theo đó thửa 26 có diện tích 1.058m^2, trong đó có 40,9m^2 đất lấn đường đi. Căn cứ biên bản xác minh ngày 27/6/2022 tại UBND xã C thì trong 40,9m^2 đất lấn đường này, có 08m^2 được giới hạn bởi các điểm (1,2,23,22,21) theo Trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận ngày 28/6/2022 được phép công nhận quyền sử dụng đất cho người dân vì đã có ranh rào ổn định, riêng phần diện tích đất còn lại là 32,9m^2 được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,6,7,27,26,25,24) không được công nhận quyền sử dụng đất, do đó diện tích đất để chia thừa kế sẽ là 1.058m^2 – 32,9m^2 = 1.025m^2 (đã làm tròn số), theo đó mỗi kỷ phần thừa kế là 1.025m^2 : 5 = 205m^2/kỷ phần.

Do xác định hệ thống trại nuôi tôm có thể tách rời và không làm ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu công trình, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ phân chia lại diện tích đất cho các đồng thừa kế cho phù hợp với hiện trạng sử dụng hiện nay, cụ thể:

- Chia cho ông Nguyễn Tấn V diện tích đất 248m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (11,12,13,14) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Trên đất có 01 nhà trại diện tích 229,8m^2, kết cấu móng đá, tường taplo, quét vôi, mái tôn fro-xi-măng, kèo gỗ, nền xi măng (bên trong có 27 hồ chứa) và 5,61m^2 mái tôn (phía trước), kết cấu trụ thép, kèo thép (phần tài sản trên đất này là của vợ chồng ông V, bà NLQ1 xây dựng và hiện đang trực tiếp quản lý).

- Chia cho bà NLQ2 diện tích đất 216,8m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (10,11,14,13,21,1,2,22,15,16,17,18,19,20) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Trên đất có 01 bể lọc thể tích 36m^3, 01 bể lắng thể tích 47,25m^3, 01 hồ chứa thể tích 18,9m^3, 02 bệ xây gạch thể tích 1,91m^3, 01 nhà ở cấp 4 (01 phòng ở, 01 phòng bếp) diện tích 27,7m^2, 01 nhà vệ sinh diện tích 3,6m^2, 48,91m^2 mái che phía trước, 29m^2 mái che phía cuối khu trại và tường rào dài 12m, cao 2m (các tài sản này do vợ chồng ông Nguyễn Tấn V, bà NLQ1 tạo lập và hiện đang trực tiếp quản lý).

- Chia cho ông Nguyễn Tấn H1 (do các ông/bà NLQ11, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10 là người thừa kế) được nhận diện tích đất 190,4m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (27,8,9,10,20,19,18,17,16,26) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Trên đất có 01 nhà ở cấp 4 diện tích 60,56m^2, 01 nhà vệ sinh diện tích 4m^2, 01 mái tôn

kẽm trước nhà diện tích 12,83m^2, 01 mái tôn kẽm phía sau nhà diện tích 9m^2 (các tài sản này do vợ chồng ông Nguyễn Tấn H1, bà NLQ11 tạo lập và hiện đang trực tiếp quản lý).

- Chia cho ông Nguyễn Tấn H được nhận diện tích đất 185,7m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (26,16,15,25) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

- Chia cho ông Nguyễn Quốc K (do các ông/bà NLQ6, NLQ3, NLQ5, NLQ4 là người thừa kế) diện tích đất 183,2m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (15,22,23,24,25) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

Do hiện nay diện tích đất chia cho bà NLQ2 do vợ chồng ông Nguyễn Tấn V, bà NLQ1 quản lý, vì vậy buộc vợ chồng ông V, bà NLQ1 giao cho bà NLQ2 diện tích đất 216,8m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi các điểm (10,11,14,13,21,1,2,22,15,16,17,18,19,20) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Bà NLQ2 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản trên phần đất bà được nhận cho vợ chồng ông V, bà NLQ1 gồm:

(01 bể lọc thể tích 36m^3 + 01 bể lắng thể tích 47,25m^3 + 01 hồ chứa thể tích 18,9m^3) x 1.573.000đ/m^2 x 65% = 104.443.268đ

02 bệ xây gạch thể tích 1,91m^3, không còn giá trị sử dụng.

01 nhà cấp 4 (01 phòng ở, 01 phòng bếp) diện tích 27,7m^2, không còn giá trị sử dụng.

Tường rào dài 12m, cao 2m không còn giá trị sử dụng.

29m^2 mái che phía cuối khu trại, không còn giá trị sử dụng.

48,91m^2 mái tôn phía trước x 741.000đ x 65% = 23.557.502đ.

01 cổng sắt diện tích 6,4m^2, trị giá 1.480.960đ.

Tổng trị giá tài sản bà NLQ2 phải hoàn trả cho vợ chồng ông V, bà NLQ1 là **129.481.730đ.**

Tại phiên tòa và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/6/2022, ông H, bà NLQ2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là đại diện hợp pháp của những người thừa kế của ông H1 và ông K đồng ý không yêu cầu ông V hoàn trả giá trị

chênh lệch đối với kỷ phần thừa kế được chia hiện vật là đất, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H và bà NLQ2 có nội dung: Yêu cầu Tòa án thẩm định lại giá trị vật kiến trúc là hệ thống trại tôm giống của ông Nguyễn Tấn V để có cơ sở khấu trừ khi chia hiện vật (đất), nhận thấy:

Ngày 18/5/2022, Hội đồng định giá do Tòa án thành lập đã tiến hành định giá đối với thửa 26 và toàn bộ tài sản trên đất. Tại buổi định giá và tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đều thống nhất với giá của Hội đồng đã định, vì vậy chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông H, bà NLQ2.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H, bà NLQ2 và bà NLQ6 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/5/2020 của ông Nguyễn Tấn H, xét thấy:

Tại bản án sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, vì vậy yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Riêng đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn V trả tiền thuê đất 81.000.000đ thì quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này của mình là có căn cứ; mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, ông H, bà NLQ2 cũng đã rút yêu cầu kháng cáo đòi số tiền thuê đất nói trên, vì vậy yêu cầu kháng cáo này của các ông/bà H, NLQ2, NLQ6 cũng không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các ông/bà Nguyễn Tấn H, NLQ2 đối với yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là đất; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo tính giá trị đất theo giá thị trường và yêu cầu ông Nguyễn Tấn V hoàn trả 40.000.000đ tiền thuê đất làm trại tôm của ông H, bà NLQ2; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà NLQ6.

[6] Về chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm: Tại giai đoạn phúc thẩm, số tiền đo đạc, định giá, trích lục là 6.988.000đ, số tiền này bà NLQ2 đã tạm ứng. Căn cứ khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, các ông/bà Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn V, Nguyễn Tấn H1 (người thừa kế gồm NLQ7, NLQ8, NLQ9,

NLQ10, NLQ11), Nguyễn Quốc K (người thừa kế gồm NLQ3, NLQ5, NLQ4, NLQ6) mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà NLQ2 số tiền 1.397.600đ.

[7] Về án phí:

Các ông/bà Nguyễn Tấn H, bà NLQ2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Bà NLQ6 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

Ông Nguyễn Tấn V, bà NLQ2 là người cao tuổi, vì vậy ông V, bà NLQ2 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn H phải chịu 487.463đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế và 2.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi lại số tiền thuê đất không được chấp nhận.

Ông Nguyễn Tấn H1 (do các ông/bà NLQ11, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10 là người thừa kế) phải chịu 499.800đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn K (do các ông/bà NLQ6, NLQ3, NLQ5, NLQ4 là người thừa kế) phải chịu 480.900đ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H, bà NLQ2.

Bác toàn bộ kháng cáo của bà NLQ6.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Ninh Thuận.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H về việc đòi lại tài sản là tiền thuê đất và áp dụng giá thị trường đối với di sản là giá trị quyền sử dụng đất.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà NLQ2 về việc đòi lại tài sản là tiền thuê đất và áp dụng giá thị trường đối với di sản là giá trị quyền sử dụng đất.

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 147, 148, 217, 218, 228, 289, 295 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 480, 636, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 623, các điều 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 21, 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ địa chính số 27c xã C, huyện M, tỉnh Ninh Thuận, cụ thể:

- Chia cho ông Nguyễn Tấn V diện tích đất 248m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (11,12,13,14) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Trên đất có 01 nhà trại có diện tich 229,8m^2, kết cấu móng đá, tường taplo, quét vôi, mái tôn fro-xi-măng, kèo gỗ, nền xi măng (bên trong có 27 hồ chứa) và 5,61m^2 mái tôn (phía trước), kết cấu trụ thép, kèo thép (Phần tài sản trên đất này là của vợ chồng ông V, bà NLQ1 xây dựng và hiện đang trực tiếp quản lý).

- Chia cho bà NLQ2 diện tích đất 216,8m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (10,11,14,13,21,1,2,22,15,16,17,18,19,20) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Trên đất có 01 bể lọc thể tích 36m^3, 01 bể lắng thể tích 47,25m^3, 01 hồ chứa thể tích 18,9m^3, 02 bệ xây gạch thể tích 1,91m^3, 01 nhà cấp 4 (01 phòng ở, 01 phòng bếp) diện tích 27,7m^2, 01 nhà vệ sinh diện tích 3,6m^2, 48,91m^2 mái che phía trước, 29m^2 mái che phía cuối khu trại và tường rào dài 12m, cao 2m (Các tài sản này do vợ chồng ông Nguyễn Tấn V, bà NLQ1 tạo lập).

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn V, bà NLQ1 phải giao trả cho bà NLQ2 diện tích đất 216,8m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi các điểm (10,11,14,13,21,1,2,22,15,16,17,18,19,20) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận và các tài sản trên diện tích 216,8m^2 đất gồm: 01 bể lọc thể tích 36m^3, 01 bể lắng thể tích 47,25m^3, 01 hồ chứa

thể tích 18,9m^3, 02 bệ xây gạch thể tích 1,91m^3, 01 nhà cấp 4 (01 phòng ở, 01 phòng bếp) diện tích 27,7m^2, 01 nhà vệ sinh diện tích 3,6m^2, 48,91m^2 mái che phía trước, 29m^2 mái che phía cuối khu trại và tường rào dài 12m, cao 2m.

Buộc bà NLQ2 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn V và bà NLQ1 giá trị các tài sản do ông V, bà NLQ1 tạo lập trên diện tích 216,8m^2 là 129.481.730đ.

- Chia cho ông Nguyễn Tấn H1 (do các ông/bà NLQ11, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10 là người thừa kế) được nhận diện tích đất 190,4m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (27,8,9,10,20,19,18,17,16,26) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Trên đất có 01 nhà ở cấp 4B diện tích 60,56m^2, 01 nhà vệ sinh cấp 4C diện tích 4m^2, 01 mái tôn kẽm trước nhà, diện tích 12,83m^2, 01 mái tôn kẽm phía sau nhà diện tích 9m^2 (các tài sản này do vợ chồng ông Nguyễn Tấn H1, bà NLQ11 tạo lập).

- Chia cho ông Nguyễn Tấn H được nhận diện tích đất 185,7m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (26,16,15,25) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

- Chia cho ông Nguyễn Quốc K (do các ông/bà NLQ6, NLQ3, NLQ5, NLQ4 là người thừa kế) diện tích đất 183,2m^2 thuộc một phần thửa 26 được giới hạn bởi cách điểm (15,22,23,24,25) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật.

Về chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm:

Buộc các ông/ bà Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn V, Nguyễn Tấn H1 (người thừa kế NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11), Nguyễn Quốc K (do người thừa kế NLQ3, NLQ5, NLQ4, NLQ6) mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà NLQ2 số tiền 1.397.600đ chi phí đo đạc, định giá, trích lục bản đồ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiến còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Các ông/bà Nguyễn Tấn H, bà NLQ2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn H 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000299 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Bà NLQ6 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000298 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Bà NLQ6 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn V, bà NLQ2 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn H phải chịu 487.463đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế và 2.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0016647 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án huyện M. Ông H còn phải nộp 1.887.463đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn H1 (do các ông/bà NLQ11, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10 là người thừa kế) phải chịu 499.800đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Khánh (do các ông/bà NLQ6, NLQ3, NLQ5, NLQ4 là người thừa kế) phải chịu 480.900đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/6/2022)./.

(Kèm trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận).

Nơi nhận:
- Đương sự (13);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện M (1);
- Chi cục THADS huyện M (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Dịu

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thị Trang **Hàng Lâm Viên** **Trần Thị Dịu**

[3.3] Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn V đòi hoàn trả công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn tài sản, xét thấy:

Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, ông V đã rút yêu cầu hoàn trả công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn tài sản và Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự để đình giải giải quyết yêu cầu này, tuy nhiên xét thấy yêu cầu chia di sản thừa kế của ông X, bà Y chết để lại lớn hơn yêu cầu tính công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn tài sản là di sản thừa kế nên khi phân chia lại di sản thừa kế, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét tính công sức bảo quản, giữ gìn di sản cho ông V. Tại phiên tòa, các đồng thừa kế gồm ông H, BÀ NLQ2, BÀ NLQ6 (vợ ông Khánh), BÀ BÀ NLQ11 (vợ ông Hưng) đồng ý hoàn trả cho ông V tiền công bảo quản, giữ gìn di sản bằng giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 203,6m^2 x 52.500đ/m^2 = 10.689.000đ. Xét, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.